

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Trúc Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Trần Hùng Vũ-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 644/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1B/27/175 P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 27/14/162 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 70/96 C, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Kim D, Luật sư của Văn phòng Luật sư D T và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số 8A33 Khu tập thể C, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại cổ phần P (..B); địa chỉ trụ sở chính: Số 41&45 L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí

Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thanh M, chức vụ: Giám đốc Bán lẻ Ngân hàng TMCP P Chi nhánh Hải Phòng; địa chỉ chi nhánh: Số 83 T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ông Lê Đình N-Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ Ngân hàng TMCP P, địa chỉ: Số 66A T, quận H, thành phố Hà Nội;

Bà Phạm Thị Thùy D-Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng TMCP P, địa chỉ: Số 66A T, quận H, thành phố Hà Nội;

Ông Nguyễn Văn O-Chuyên viên thu hồi nợ Ngân hàng TMCP P, địa chỉ: Số 83 T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

(theo Giấy ủy quyền số 75/2020/UQ-..B ngày 07/5/2020); vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản đối chất; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Tôi (T) và cô Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng chỉ trên danh nghĩa, vì thực tế hai bên không có tình cảm, chưa bao giờ ở chung với nhau; việc lấy nhau không được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới, do tôi vừa ly hôn vợ cũ lúc đó cô H là nhân viên trong công ty của tôi và do cô bà H có tuổi muốn kết hôn để lấy danh dự nên tôi với cô H đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 26/02/2019.

Ngay từ trước khi kết hôn, giữa tôi với cô H đã có nhiều bất đồng trong mọi lĩnh vực, tôi và cô H cũng đã có thỏa thuận với nhau là sau khi đăng ký kết hôn thì hai bên không có sự ràng buộc gì về con cái, tài sản. Sau khi kết hôn, mâu thuẫn giữa tôi và cô H ngày càng căng thẳng, trầm trọng, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Đỉnh điểm là từ tháng 3/2019, tôi và cô H không còn quan hệ, liên quan gì đến nhau. Tôi xác định giữa tôi và cô H không có tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng và kéo dài, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô H.

- Về con chung: Tôi và cô H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi với cô H có tài sản chung là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 737, tờ bản đồ số 84, địa chỉ thửa đất: Số 71/8/16 Đ,

khu phố 7, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 54,4m², nhà ở 3 tầng trên đất diện tích xây dựng là 43,4m², tổng diện tích sàn là 139,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 563274, sổ vào sổ cấp GCN số: CS10825 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2019 cho ông Nguyễn T và bà Trần Thị Thu V. Ngày 15/3/2019, ông Nguyễn T và bà Trần Thị Thu V chuyển nhượng cho tôi và cô H tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Tôi và cô Phạm Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP P (..B)-Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0132/2019/BĐ ngày 18/3/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Châu Á, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp ngày 19/3/2019 tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số: 0132/2019/HĐTD-CN ngày 16/3/2019 do tôi và bà H cùng ký vay của Ngân hàng TMCP P (..B)-Chi nhánh Hải Phòng. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc và hòa giải tôi yêu cầu Tòa án chia đôi nhà+đất trên. Nhà+đất tại số 71/8/16 Đ có giá trị 3.500.000.000 đồng, tôi xin nhận hiện vật là nhà+đất và tôi có trách nhiệm trả cô H 1.750.000.000 đồng.

Về nợ chung: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người phải chịu 1/2 số tiền nợ gốc + lãi đối với khoản vay tại Ngân hàng đến khi kết thúc hợp đồng; cô H có trách nhiệm trả lại 1/2 số tiền tôi đã trả nợ gốc và lãi tại ngân hàng từ tháng 4/2019 cho đến thời điểm xét xử. Đến ngày 21/7/2020 tôi đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do tôi với cô H và Ngân hàng đã giải quyết được với nhau về tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 71/8/16 Đ, khu phố 7, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh nên tôi rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn.

Đến nay về tài sản chung và công nợ chung, tôi với cô H và Ngân hàng đã tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, thực tế nhà+đất chúng tôi đã bàn giao cho Ngân hàng quản lý từ ngày 16/7/2020 để xử lý khoản nợ tại Ngân hàng theo quy định pháp luật. Việc Ngân hàng có văn bản rút toàn bộ yêu cầu độc lập, tôi đã nhận được Thông báo của Tòa án và không có ý kiến gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản đối chất, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Tôi và anh T có mối quan hệ hợp tác làm ăn và phát sinh tình cảm từ năm 2014, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 hai bên đã có mối quan hệ tốt trong công việc. Tôi và anh T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 26/02/2019. Vì lý do bố đẻ anh T mới mất, cả hai cũng đã lớn tuổi

và anh T cũng mới ly hôn lần 2 được 01 năm nên chúng tôi không tổ chức hỏi cưới và chỉ thông báo cho gia đình hai bên. Đến tháng 4/2019 tôi và anh T xảy ra mâu thuẫn xung đột vì tôi phát hiện anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng đã nói chuyện nhiều lần với nhau và có xảy ra xung đột cãi vã. Do bất đồng về cách sống, quan điểm sống nên tôi và anh T đã cùng ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 17/4/2019. Sau một số biến cố trong công việc tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh T vì hai bên đã cùng nhau vượt qua nhiều khó khăn và cùng xây dựng phát triển trong công việc, nay anh T có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay, tôi thấy tình cảm của tôi với anh T không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Tôi và anh T chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và anh T có tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 71/8/16 Đ, khu phố 7, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, giá trị tại thời điểm hiện tại là 5.800.000.000đ; nếu ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao nhà+đất tại địa chỉ số 71/8/16 Đ cho tôi vì tôi là phụ nữ không có nhà ở và tôi không phải trả một khoản tiền nào liên quan đến nhà+đất tại địa chỉ số 71/8/16 Đ cho ông T. Về công nợ chung: Nếu ly hôn tôi chỉ có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong tổng số tiền nợ gốc đã vay nhưng tính từ khi Tòa án giải quyết cho tôi và ông T ly hôn cho đến khi hết số tiền nợ gốc, nợ lãi tôi phải thanh toán cho Ngân hàng. Tôi không đồng ý việc anh T yêu cầu tôi phải trả cho anh T $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc, nợ lãi kể từ khi ký hợp đồng tín dụng đến khi Tòa án giải quyết cho tôi và anh T ly hôn. Ngày 16/7/2020 tôi, anh T, Ngân hàng đã làm việc với và giữa chúng tôi đã thỏa thuận giải quyết với nhau về khoản nợ. Tôi đã nhận được Thông báo của Tòa án về việc anh T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và Ngân hàng có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập; về việc này tôi không có ý kiến gì.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần P trình bày tại bản tự khai, đơn yêu cầu độc lập, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải: Đề nghị Tòa án: Buộc ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0132/2019/HĐTD-CN ngày 16/3/2019 là 2.565.819.215 đồng (Hai tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm mười chín nghìn, hai trăm mười lăm đồng) tính đến ngày 19/02/2020 trong đó: Nợ gốc là: 2.539.580.000 đồng, nợ lãi là 26.239.215 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tiếp tục kể từ ngày 20/02/2020 cho đến khi ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P. Nếu ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp

dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0132/2019/BĐ ngày 18/3/2019 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P theo quy định pháp luật. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 737, tờ bản đồ số 84, địa chỉ tại số 71/8/16 Đ, khu phố 7, thị trấn N, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 563274, sổ vào sổ cấp GCN số: CS10825 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2019 đứng tên ông Nguyễn T và bà Trần Thị Thu V; ngày 15/3/2019 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tài sản bảo đảm đã được công chứng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0132/2019/BĐ ngày 18/3/2019 tại Văn phòng công chứng Châu Á, thành phố Hồ Chí Minh đã được đăng ký thế chấp ngày 19/3/2019 tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý các tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H tại Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiếp tục kê biên, phát mãi xử lý các tài sản khác của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H để thanh toán hết toàn bộ nợ vay của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H tại Ngân hàng TMCP P.

Đến ngày 23/7/2020, Ngân hàng TMCP P có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì: Do ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H có phương án trả nợ cụ thể, để tạo điều kiện cho ông T và bà H có thời gian thu xếp nguồn lực kinh tế trả nợ. Tại đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP P cũng có ý kiến xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản thu thập chứng cứ, đại diện địa phương nơi ông T và Hoa cư trú cho biết: Bà H vẫn thường trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với bố, mẹ và gia đình từ trước khi kết hôn với ông T đến nay, thỉnh thoảng vắng mặt tại địa phương một vài ngày, đến nay bà H có làm cùng Công ty tư nhân với ông T hay không thì địa phương không nắm được. Bà H và ông T không có thời gian chung sống với nhau tại nơi cư trú của hai bên.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa

đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 201, Điều 202, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T được ly hôn bà Phạm Thị H. Về con chung: Ông T và bà H không có con chung, do vậy không đặt ra xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Ngày 21/7/2020 ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và công nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung khi ly hôn của ông Phạm Văn T. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Trả lại ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP P có đơn gửi Tòa án ngày 23/7/2020 đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết ngày 21/7/2020 ông T có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và công nợ chung. Xét việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về việc này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T phù hợp với quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần được chấp nhận.

[4] Đối với việc Tòa án nhân dân quận Lê Chân thụ lý yêu cầu độc lập của Ngân hàng ngày 26/3/2020 phù hợp với Điều 201, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012. Ngày 23/7/2020, Ngân hàng TMCP P có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập; xét việc Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện, nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì về việc này, việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng phù hợp với quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

- Về nội dung:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai của ông T và bà H đều thể hiện hai bên có phát sinh nhiều mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ tháng 4/2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, có xảy ra xung đột, cãi vã, xô xát trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài và không thể tồn tại; hai bên sống mỗi người một nơi và không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt; điều này phù hợp với chính quyền địa phương cung cấp. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ còn trên danh nghĩa; việc ông T xin được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H đều thừa nhận không có con chung; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[7] Về tài sản và công nợ chung: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc với tòa án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông T yêu cầu chia làm hai cho ông và bà H mỗi người ½ khối tài sản chung và công nợ chung giữa ông và bà H với Ngân hàng TMCP P là nhà+đất tại số 71/8/16 Đ, khu phố 7, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà+đất đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP P (..B)-Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0132/2019/BĐ ngày 18/3/2019 để đảm bảo cho khoản vay 2.650.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số: 0132/2019/HĐTD-CN ngày 16/3/2019 do hai bên cùng ký vay tại Ngân hàng TMCP P (..B)-Chi nhánh Hải Phòng.

Đến ngày 21/7/2020 ông có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung kèm theo đơn là 01 biên bản thu giữ, bàn giao, tài sản bảo đảm ngày 16/7/2020 giữa ông T, bà H với Ngân hàng; Tòa án triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để làm việc, đại diện Ngân hàng và bà H không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án đã ban hành thông báo gửi các bên đương sự về việc ông T có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản

chung và khoản nợ chung; Ngân hàng và bà H đã nhận được thông báo và không có ý kiến gì. Xét thấy việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là đúng quy định pháp luật và tự nguyện; nên đình chỉ không xét giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về tài sản chung và khoản nợ chung.

[8] Xét về yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP P: Ngày 23/7/2020, Ngân hàng TMCP P có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu độc lập đến khoản vay của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H tại Ngân hàng do các bên đã có phương án trả nợ cụ thể, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

[9] Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; trả lại ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn đã nộp sau khi đã trừ vào số tiền án phí ông T phải nộp. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 201; Điều 202; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn bà Phạm Thị H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP P.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 57.075.000 đ (Năm mươi bảy triệu, không trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013619 ngày 09/12/2019. Trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.775.000 đ (Năm mươi sáu, bảy trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 41.658.192 đ (Bốn mươi một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, một trăm chín mươi hai đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013710 ngày 26/3/2020.

Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc